

TỜ TRÌNH**Về việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định về
khu công nghệ số tập trung**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 của Đại hội đảng lần thứ XIII đã xác định: “*Phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp, **khu CNTT tập trung** và đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hình thức cụm liên kết ngành, nhóm sản phẩm chuyên môn hóa và tạo thành các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn, hiệu quả cao và theo lợi thế của các địa phương tại một số vùng, địa bàn trọng điểm*”.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định “***phát triển một số khu công nghiệp công nghệ số***” là một trong những giải pháp để thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

- Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó xác định “*Đổi mới mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động của các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, **khu công nghệ thông tin tập trung***”; “*Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển hạ tầng thông tin, hạ tầng số, quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cho giai đoạn tới theo định hướng hạ tầng số là thiết yếu, bảo đảm an toàn thông tin mạng là then chốt, ưu tiên đầu tư phát triển nhanh, đi trước một bước. Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hóa, xã hội*”.

- Ngày 14/6/2025, Quốc hội đã ban hành Luật Công nghiệp công nghệ số

(số 71/2025/QH15), trong đó khoản 5 Điều 49 điều chỉnh tên gọi “*khu công nghệ thông tin tập trung*” thành “***khu công nghệ số tập trung***”. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết về: đầu tư, thu hút nguồn lực phát triển hạ tầng công nghiệp công nghệ số (Điều 21); điều kiện thành lập, mở rộng khu công nghệ số tập trung (Điều 21); trình tự, thủ tục lập dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung (Điều 22); công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung (Điều 23); và quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung (Điều 25).

- Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 09/11/2013 của Chính phủ quy định về khu CNTT tập trung sẽ được thay thế bằng Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung từ ngày 01/01/2026.

- Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 14/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Bộ Khoa học và Công nghệ được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

2. Cơ sở thực tiễn

Ngày 08/11/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 154/2013/NĐ-CP quy định về khu CNTT tập trung. Trải qua hơn 10 năm thực thi Nghị định số 154/2013/NĐ-CP, nhiều khu CNTT tập trung đã được hình thành và phát triển, góp phần thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam.

Tính đến tháng 9 năm 2025, cả nước có 08 khu CNTT tập trung được thành lập, mở rộng và công nhận theo quy định của pháp luật, bao gồm: (1) Công viên phần mềm Quang Trung; (2) Khu CNTT tập trung Cầu Giấy - Hà Nội; (3) Công viên Công nghệ phần mềm Hà Nội; (4) Công viên phần mềm Đà Nẵng và Công viên phần mềm Đà Nẵng số 2 - dự án mở rộng; (5) Khu CNTT tập trung Đà Nẵng - Giai đoạn 1; (6) Khu CNTT tập trung Cần Thơ; (7) Khu Phức hợp Văn phòng FPT Đà Nẵng; và (8) Khu CNTT tập trung Bình Dương. Ngoài ra, một số địa phương như: Thái Nguyên (Khu CNTT tập trung Yên Bình), Đồng Nai (Khu CNTT tập trung Long Thành), Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai với dự án Khu CNTT tập trung Bình Định), Hậu Giang (hợp nhất với thành phố Cần Thơ với dự án Khu CNTT tập trung Hậu Giang) đang triển khai thành lập khu CNTT tập trung để tạo hạ tầng thiết yếu và động lực thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, nhằm thực hiện định hướng của Đảng lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là động lực để phát triển đất nước trong giai đoạn tới.

Ngày 14/6/2025, Quốc hội ban hành Luật Công nghiệp công nghệ số cùng với sự thay đổi của nhiều cơ chế, chính sách tại các pháp luật chuyên ngành (đầu

tư, đất đai, quy hoạch, xây dựng và quản lý tài sản công). Theo đó, Nghị định số 154/2013/NĐ-CP hiện có nhiều quy định không còn phù hợp, đồng bộ với pháp luật hiện hành. Do đó, việc xây dựng Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung (thay thế Nghị định số 154/2013/NĐ-CP) là một yêu cầu cấp bách, xuất phát từ khoảng trống pháp lý và sự thiếu đồng bộ giữa các quy định hiện hành với hệ thống pháp luật chuyên ngành khác có liên quan.

2.1. Điều chỉnh tên gọi khu CNTT tập trung thành khu công nghệ số tập trung phù hợp với Luật Công nghiệp công nghệ số

Luật Công nghiệp công nghệ số được ban hành đã thiết lập một khung chính sách mới, mang tính định hướng cho sự phát triển của ngành công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam để phù hợp với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, và thực hiện chuyển đổi số quốc gia. Trong đó, khoản 5 Điều 49 Luật Công nghiệp công nghệ số đã chuyển đổi tên gọi từ “*khu CNTT tập trung*” thành “*khu công nghệ số tập trung*”, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

Trên cơ sở đó, việc xây dựng Nghị định với sự điều chỉnh tên gọi từ “*khu CNTT tập trung*” thành “*khu công nghệ số tập trung*” là cần thiết để phù hợp với quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số trong giai đoạn tới.

2.2. Điều chỉnh quy hoạch xây dựng khu công nghệ số tập trung phù hợp với pháp luật về quy hoạch

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP, Quy hoạch tổng thể phát triển khu CNTT tập trung là căn cứ để xem xét việc thành lập, mở rộng khu CNTT tập trung; xây dựng quy hoạch, quy hoạch chi tiết, kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ sự phát triển của khu CNTT tập trung. Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) đã chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2407/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 về “*Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025*”.

Năm 2017, Quốc hội đã thông qua Luật Quy hoạch, theo đó ***các quy định về quy hoạch theo các pháp luật chuyên ngành cần phải điều chỉnh theo Luật Quy hoạch, trong đó bao gồm Quy hoạch tổng thể phát triển khu CNTT tập trung***. Ngày 26/8/2022, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 108/NQ-CP thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập pháp và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030, trong đó giao Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi Nghị định số 154/2013/NĐ-CP bãi bỏ nội dung về quy hoạch phát triển khu CNTT tập trung (Điều 8).

Điểm b, khoản 1 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định về điều

kiện thành lập, mở rộng khu công nghệ số tập trung phải phù hợp với định hướng, mục tiêu của quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất của địa phương. Hiện nay, pháp luật về quy hoạch, đất đai đang có sự điều chỉnh để phù hợp với định hướng, chính sách phát triển của Đảng và Nhà nước, đặc biệt bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và sáp nhập địa giới hành chính các tỉnh.

Trên cơ sở đó, cần thiết phải điều chỉnh các nội dung quy định về quy hoạch khu công nghệ số tập trung trong dự thảo Nghị định nhằm đáp ứng và đồng bộ với pháp luật về quy hoạch, đất đai. Theo đó, quy hoạch khu công nghệ số tập trung sẽ được tích hợp đồng bộ với Quy hoạch ngành quốc gia có liên quan, Quy hoạch vùng và Quy hoạch tỉnh trong đó thuộc danh mục các khu công nghệ số tập trung hoặc danh mục khu chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quy hoạch sử dụng đất tại địa phương và các quy hoạch khác có liên quan nhằm mục tiêu đảm bảo sử dụng tài nguyên đất tiết kiệm, hiệu quả.

2.3. Về điều kiện thành lập, mở rộng và tiêu chí công nhận khu công nghệ số tập trung để bảo đảm phát triển hiệu quả các khu công nghệ số tập trung

Các điều kiện về thành lập, mở rộng¹ khu CNTT tập trung và tiêu chí² công nhận khu CNTT tập trung không còn phù hợp với thực tiễn phát triển của ngành công nghiệp công nghệ số và các quy định pháp luật chuyên ngành mới được ban hành hoặc sửa đổi, cụ thể:

- Điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP yêu cầu thành lập khu CNTT tập trung phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển khu CNTT tập trung đã được phê duyệt, trong khi hiện nay không còn quy hoạch tổng thể phát triển khu CNTT tập trung theo pháp luật về quy hoạch (như thuyết minh tại mục I.2.1).

- Các điều kiện về chức năng, nhiệm vụ chưa đáp ứng đầy đủ, chi tiết theo quy định mới tại khoản 1 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số và yêu cầu của phát triển ngành công nghiệp công nghệ số.

- Các tiêu chí để công nhận khu CNTT tập trung như: nhân lực, quy mô diện tích cần phải có sự điều chỉnh để đồng bộ với Luật Công nghiệp công nghệ số và bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành công nghiệp công nghệ số.

Theo đó, dự thảo Nghị định sẽ quy định chi tiết các điều kiện về thành lập, mở rộng khu công nghệ số tập trung và tiêu chí công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung nhằm bảo đảm tuân thủ theo Luật Công nghiệp công nghệ

¹ Điều 9 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP.

² Điều 5 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP.

số và đồng bộ với các pháp luật chuyên ngành có liên quan.

2.4. Về hồ sơ, trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng và công nhận khu công nghệ số tập trung

- Về hồ sơ, trình tự và thủ tục thành lập, mở rộng khu công nghệ số tập trung.

Nghị định số 154/2013/NĐ-CP quy định thẩm quyền quyết định thành lập, mở rộng và công nhận khu CNTT tập trung. Tuy nhiên, Luật Công nghiệp công nghệ số đã phân cấp thẩm quyền quyết định thành lập, mở rộng³ và công nhận⁴ khu công nghệ số tập trung cho UBND cấp tỉnh. Điều này đã tạo sự chủ động, linh hoạt và rút ngắn trình tự, thủ tục cho địa phương, tổ chức và doanh nghiệp trong thủ tục thành lập, mở rộng khu công nghệ số tập trung. Theo đó, ***khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được thành lập, mở rộng kể từ ngày cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung*** theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Đồng thời, trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng khu công nghệ số tập trung thực hiện theo quy trình của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Do vậy, cần phải bãi bỏ các nội dung về hồ sơ, trình tự và thủ tục thành lập, mở rộng khu CNTT tập trung tại Nghị định số 154/2013/NĐ-CP để phù hợp với việc phân cấp thẩm quyền từ Thủ tướng Chính phủ sang UBND cấp tỉnh và pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

- Về hồ sơ, trình tự và thủ tục công nhận khu công nghệ số tập trung.

Tương tự, Luật Công nghiệp công nghệ số đã phân cấp thẩm quyền quyết định công nhận khu công nghệ số tập trung từ Thủ tướng Chính phủ cho UBND cấp tỉnh. Đồng thời, tiêu chí để công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung cần có điều chỉnh, thay đổi để phù hợp với thực tiễn phát triển (như thuyết minh tại mục I.2.3). Do đó, cần thiết phải có sự điều chỉnh về hồ sơ, trình tự và thủ tục công nhận khu công nghệ số tập trung.

2.5. Về quy trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung và dự án đầu tư trong khu công nghệ số tập trung

Khu công nghệ số tập trung⁵ là khu chức năng, tập trung các hoạt động nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ, đào tạo, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ươm tạo công nghệ số và doanh nghiệp công nghệ số, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ

³ Khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số.

⁴ Khoản 2 Điều 23 Luật Công nghiệp công nghệ số.

⁵ Khoản 6 Điều 3 Luật Công nghiệp công nghệ số.

công nghệ số, cung cấp hạ tầng, cung ứng dịch vụ cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và các hoạt động khác trong khu. Việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Tuy nhiên, pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư mới chỉ quy định về thành phần hồ sơ, một số nội dung về nguyên tắc, mang tính tổng quan trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, chưa có quy định chi tiết điều kiện, quy trình, thủ tục thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung. Đồng thời, pháp luật về đầu tư chưa quy định về thẩm quyền, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thứ cấp có sử dụng đất trong khu công nghệ số tập trung. Theo đó, cần phải xây dựng, hoàn thiện các quy định về quy trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung.

Ngoài ra, cần thiết phải bổ sung quy định về thực hiện dự án đầu tư lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trong khu công nghệ số tập trung để bảo đảm khu công nghệ số tập trung hoạt động theo đúng mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ theo quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số.

2.6. Về quản lý, khai thác, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung

Nghị định số 154/2013/NĐ-CP không quy định về quản lý, khai thác, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng khu CNTT tập trung. Trong khi khoản 3 Điều 21 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định *“Hạ tầng công nghiệp công nghệ số được nhà nước đầu tư quy định tại khoản 2⁶ Điều này là một loại tài sản kết cấu hạ tầng và được quản lý, khai thác, vận hành theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công”*. Đồng thời, khoản 2 Điều 21 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định *“Nhà nước ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách để đầu tư xây dựng hạ tầng công nghiệp công nghệ số thiết yếu, dùng chung”*. Do đó, cần thiết bổ sung một số quy định về nguyên tắc quản lý, khai thác, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung tại dự thảo Nghị định.

2.7. Về cơ chế, chính sách ưu đãi

Điều 21, Điều 22 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi cho khu CNTT tập trung. Trong đó, một số quy định về ưu đãi đã không còn phù hợp, đồng bộ với pháp luật chuyên ngành như: Miễn 50% tiền sử dụng đất cho dự án xây dựng khu CNTT tập trung không phù hợp với Luật

⁶ Cơ sở nghiên cứu, thiết kế, sản xuất thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; Phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung quốc gia về công nghệ số; Cơ sở đo kiểm, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; Trung tâm dữ liệu; ***Khu công nghệ số tập trung***; Hạ tầng công nghiệp công nghệ số thiết yếu, dùng chung khác.

Đất đai 2020; Huy động vốn dưới dạng trái phiếu dự án theo quy định của pháp luật cho dự án xây dựng khu CNTT tập trung đã được quy định chi tiết tại Luật doanh nghiệp, chứng khoán đã có quy định chi tiết về phát hành trái phiếu dự án; mở điểm thông quan trong khu CNTT tập trung đã được quy định chi tiết tại Luật Hải Quan.

Hiện nay, chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ số tập trung đã được quy định tại Điều 24 Luật Công nghiệp công nghệ số và các Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp,... Do đó, các quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi tại Điều 21, Điều 22 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP cần phải điều chỉnh để phù hợp với quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số và pháp luật chuyên ngành khác.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG

1. Mục đích ban hành

- Tạo hành lang pháp lý để xây dựng và phát triển các khu công nghệ số tập trung - một hạ tầng thiết yếu, quan trọng để phát triển ngành công nghiệp công nghệ số trở thành ngành công nghiệp nền tảng, mũi nhọn trong cơ cấu công nghiệp quốc gia. Việc hình thành và phát triển khu công nghệ số tập trung sẽ tạo ra cơ sở hạ tầng và môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ số hoạt động; ươm tạo doanh nghiệp công nghệ số mới; thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; hình thành các trung tâm đào tạo nhân lực công nghệ số phục vụ cho tiến trình chuyển đổi số quốc gia và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

- Thúc đẩy hình thành và phát triển các khu công nghệ số tập trung phù hợp với điều kiện, tiềm năng lợi thế cạnh tranh tại các địa phương và vùng, bảo đảm hiệu quả đầu tư trong phát triển công nghiệp công nghệ số.

2. Quan điểm xây dựng

- Thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng và phát triển khu công nghệ số tập trung phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội và công nghiệp công nghệ số.

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản pháp luật khác trong hệ thống pháp luật hiện hành; tránh việc quy định chồng chéo, mâu thuẫn; bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Kế thừa những quy định còn phù hợp của Nghị định số 154/2013/NĐ-CP; sửa đổi, bổ sung những quy định mới để khắc phục những tồn tại, hạn chế và khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thi hành pháp luật khu công nghệ số tập trung, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong thi hành chính sách.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Thực hiện quy định về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ đã triển khai các công việc sau:

1. Thành lập Tổ soạn thảo xây dựng Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung (Quyết định số 2116/QĐ-BKHHCN ngày 09/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

2. Rà soát các quy định của Nghị định số 154/2013/NĐ-CP, đối chiếu với các quy định mới của Luật Công nghiệp công nghệ số và pháp luật chuyên ngành có liên quan để bảo đảm các nội dung trong dự thảo Nghị định phù hợp với thực tiễn phát triển ngành công nghiệp công nghệ số.

3. Tổ chức các cuộc họp của Tổ soạn thảo và Tổ soạn thảo với các bộ, ngành và tổ chức, chuyên gia có liên quan về dự thảo Nghị định.

4. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đối tượng chịu sự tác động của dự thảo Nghị định (văn bản số 4370/BKHHCN-CNCNTT ngày 04/9/2025). Đăng tải toàn văn dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị định và các tài liệu có liên quan trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ. Tổng hợp và tiếp thu, có giải trình các ý kiến góp ý tham gia xây dựng dự thảo Nghị định.

5. Phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức thẩm định nội dung của dự thảo Nghị định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Báo cáo thẩm định số /BCTĐ-BTP ngày / /2025). Tổng hợp và tiếp thu, có giải trình đầy đủ ý kiến thẩm định để hoàn thiện dự thảo Nghị định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định bao gồm 06 chương, 31 điều, bao gồm:

- Chương I. Quy định chung.
- Chương II. Tiêu chí của khu công nghệ số tập trung.
- Chương III. Thành lập, mở rộng khu công nghệ số tập trung.
- Chương IV. Công nhận khu công nghệ số tập trung.
- Chương V. Hỗ trợ, ưu đãi đầu tư đối với khu công nghệ số tập trung.
- Chương VI. Quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác khu công nghệ số tập trung.
- Chương VII. Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản

Dự thảo Nghị định tập trung vào một số nội dung cơ bản như sau:

2.1. Chương I. Quy định chung

Chương này quy định những vấn đề chung, mang tính nguyên tắc, làm nền tảng cho các nội dung chi tiết của dự thảo Nghị định, bao gồm:

- Phạm vi điều chỉnh: quy định chi tiết các khoản 1, 2 và 3 Điều 21; khoản 1 và khoản 3 Điều 22; Điều 23 và Điều 25 của Luật Công nghiệp công nghệ số theo nhiệm vụ được giao cho Chính phủ. Đồng thời, quy định một số nội dung về biện pháp thi hành về quản lý và phát triển khu công nghệ số tập trung.

- Đối tượng áp dụng: quy định áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển, thành lập, mở rộng, công nhận khu công nghệ số tập trung; quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác khu công nghệ số tập trung và các hoạt động khác có liên quan đến khu công nghệ số tập trung.

- Phương hướng xây dựng và phương án phát triển khu công nghệ số tập trung: quy định các nội dung liên quan đến phát triển khu công nghệ số tập trung trong quy hoạch ngành quốc gia về khoa học và công nghệ; quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.

2.2. Chương II. Tiêu chí của khu công nghệ số tập trung

Chương này quy định chi tiết các tiêu chí của khu công nghệ số tập trung căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Công nghiệp công nghệ số, bao gồm:

- (i) *Tiêu chí về chức năng*: khu công nghệ số tập trung có chức năng về hoạt động nghiên cứu và phát triển; sản xuất, kinh doanh sản phẩm công nghệ số và cung ứng dịch vụ công nghệ số; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực công nghệ số; xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; và cung cấp hạ tầng, dịch vụ cho khu công nghệ số tập trung.

- (ii) *Tiêu chí về hoạt động đầu tư vào khu công nghệ số tập trung*: quy định các hoạt động được đầu tư vào khu công nghệ số tập trung.

- (iii) *Tiêu chí về quy mô diện tích, nhân lực của khu công nghệ số tập trung*: quy định chi tiết về quy mô diện tích, số lượng nhân lực công nghiệp công nghệ số tối thiểu của khu công nghệ số tập trung. Trong đó, quy mô diện tích khu công nghệ số tập trung tối thiểu từ 05 ha trở lên (đối với khu công nghệ số tập trung chỉ tập trung về sản xuất phần mềm, sản phẩm nội dung số và cung cấp dịch vụ công nghệ số có quy mô diện tích đất tối thiểu từ 01 ha trở lên); có tối thiểu 2.000 nhân lực công nghiệp công nghệ số, chiếm tối thiểu 60% tổng số lao động làm việc trong khu công nghệ số tập trung (đối với khu công nghệ số tập trung chỉ tập trung hoạt động sản xuất phần mềm, nội dung số và cung cấp dịch vụ công nghệ số phải có tối thiểu 1.000 nhân lực công nghiệp công nghệ số.). Số liệu tiêu chí về quy mô diện tích, số lượng nhân lực được kế thừa từ Nghị định số

154/2013/NĐ-CP. Đây là các tiêu chí quan trọng làm sở cứ cho việc xem xét, công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung.

(iv) *Tiêu chí về tổ chức các phân khu chức năng của khu công nghệ số tập trung*: khu công nghệ số tập trung được tổ chức quy hoạch thành 2 phân khu chức năng chính là “Nhóm phân khu chức năng thực hiện hoạt động công nghiệp công nghệ số”, thực hiện chức năng chính của khu công nghệ số tập trung và “Nhóm phân khu chức năng cung cấp dịch vụ cho khu công nghệ số tập trung”, thực hiện chức năng cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động của khu công nghệ số tập trung.

(v) *Tiêu chí về hạ tầng số và hạ tầng kỹ thuật*: quy định khu công nghệ số tập trung phải bảo đảm về hạ tầng số hiện đại, đồng bộ; được áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo đảm an ninh mạng và an toàn thông tin trong quản lý, vận hành; hạ tầng cấp điện sạch, bảo đảm chất lượng, ổn định với tối thiểu có hai nguồn cấp độc lập; hạ tầng cấp thoát nước bảo đảm chất lượng, công suất đáp ứng nhu cầu; và hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn loại A theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

(vi) *Tiêu chí về cung cấp dịch vụ và quản trị khu công nghệ số tập trung*: khu công nghệ số tập trung bảo đảm có dịch vụ một cửa hỗ trợ doanh nghiệp và chuyên gia, người lao động làm việc, học tập trong khu công nghệ số tập trung. Đồng thời, áp dụng mô hình quản trị số thông minh và xanh trong hoạt động quản lý, vận hành của khu công nghệ số tập trung nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên thiên nhiên tiết kiệm và bền vững. Ngoài ra, khuyến khích doanh nghiệp trong khu công nghệ số tập trung áp dụng hệ thống quản lý sản xuất và môi trường theo các tiêu chuẩn của Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO).

2.3. Chương III. Thành lập, mở rộng khu công nghệ số tập trung

Chương này quy định chi tiết về điều kiện và trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng khu công nghệ số tập trung căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số. Theo đó, việc thành lập, mở rộng khu công nghệ số tập trung phải đáp ứng các điều kiện, bao gồm:

(i) Phù hợp với chính sách của Nhà nước về phát triển công nghệ số, công nghiệp công nghệ số.

(ii) Phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia về khoa học và công nghệ.

(iii) Phù hợp với quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.

(iv) Đáp ứng các tiêu chí về tổ chức phân khu chức năng, quy mô diện tích và số lượng nhân lực công nghiệp công nghệ số.

(v) Trường hợp mở rộng khu công nghệ số tập trung sẽ phải đáp ứng các điều kiện về: Hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đã được cơ bản

đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch đô thị và nông thôn được phê duyệt và Diện tích đất của nhóm phân khu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ số tập trung đã cho thuê, thuê lại đạt tối thiểu 70%.

Ngoài ra, chương này quy định chi tiết về một số nội dung như: lập quy hoạch xây dựng khu công nghệ số tập trung, là cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung; trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung; bảo đảm hiệu quả hoạt động của khu công nghệ số tập trung. Đây là các nội dung cần thiết nhằm mục tiêu hoàn thiện quy trình, đánh giá hiệu quả dự án đầu tư khu công nghệ số tập trung.

2.4. Chương IV. Công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung

Chương này quy định chi tiết về trình tự, thủ tục công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật Công nghiệp công nghệ số. Ngoài ra, bổ sung thêm quy định về việc tạm đình chỉ, chấm dứt hiệu lực đối với Quyết định công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung không đáp ứng các tiêu chí theo quy định.

2.5. Chương V. Hỗ trợ, ưu đãi đầu tư đối với khu công nghệ số tập trung

Chương này quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư đối với khu công nghệ số tập trung theo quy định tại Điều 24 Luật Công nghiệp công nghệ số. Đồng thời, bổ sung một số cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân, thu hút nhân tài, nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với dự án đầu tư lĩnh vực công nghiệp công nghệ số theo các pháp luật chuyên ngành. Đây là sở cứ quan trọng để các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng và hoạt động trong khu công nghệ số tập trung tham khảo để thực hiện.

2.6. Chương VI. Quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác khu công nghệ số tập trung

Chương này quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Trong đó, quy định nguyên tắc quản lý tài sản kết cấu hạ tầng là khu công nghệ số tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước phải tuân thủ theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Ngoài ra, chương này quy định mô hình và chức năng của đơn vị quản lý, vận hành, khai thác khu công nghệ số tập trung. Theo đó, đối với khu công nghệ số tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ quyết định thành lập hoặc giao cơ quan trực thuộc thực hiện công tác quản lý và ban hành quy chế hoạt động. Đối với các khu được đầu tư

bằng nguồn vốn khác, chủ đầu tư tự quyết định mô hình quản lý.

2.7. Chương VII. Điều khoản thi hành

Chương này quy định về vai trò và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước đối với khu công nghệ số tập trung, bao gồm: việc xây dựng quy hoạch, chính sách, hướng dẫn thành lập và quản lý hoạt động; cấp các loại giấy phép, và công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Trong đó, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với khu công nghệ số tập trung trên phạm vi cả nước; Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Chính phủ về quản lý nhà nước đối với khu công nghệ số tập trung; các Bộ, cơ quan liên quan thực hiện quản lý theo chức năng, nhiệm vụ; và UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm trực tiếp trên địa bàn trong hoạt động đầu tư xây dựng, quyết định phê duyệt thành lập, mở rộng, công nhận khu công nghệ số tập trung trên địa bàn và chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện quản lý nhà nước, ban hành các chính sách hỗ trợ tại địa phương.

Đồng thời, Chương này quy định các nội dung về điều khoản chuyển tiếp, biện pháp tổ chức thi hành Nghị định, bảo đảm tính liên tục và đồng bộ với quy định pháp luật.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

...

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA BAN HÀNH

Trường hợp dự thảo Nghị định được ban hành và có hiệu lực không làm tăng biên chế, nguồn nhân lực cơ bản đáp ứng yêu cầu của công tác triển khai thi hành văn bản.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

...

Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan. Để đảm bảo Nghị định có hiệu lực đồng thời với Luật Công nghiệp công nghệ số, kính đề nghị Chính phủ sớm xem xét, thông qua dự thảo Nghị định.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung, Bộ Khoa học và Công nghệ xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm theo:

- (1) Dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung;*
- (2) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật;*
- (3) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định;*

(4) *Bản đánh giá thủ tục hành chính;*

(5) *Bảng tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội.*

Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, CNCNTT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Hoàng Phương